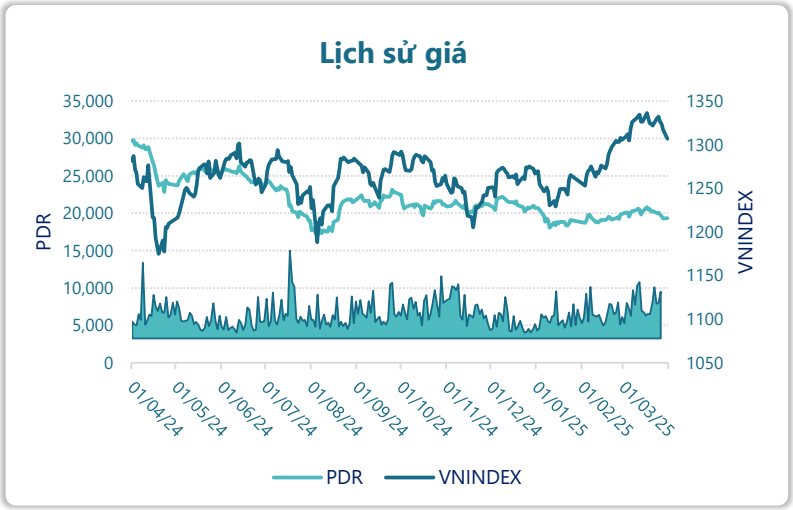
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,350**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
SL cổ phiếu LH	873,140,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,222,329
% sở hữu nước ngoài	7.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,895
P/E	32.4
EPS	596

DT thuần

Q1/25

438

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,406| -76.3%

YoY: ▲ 276| 170%

LN sau thuế

Q1/25

50.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼318| -86.3%

YoY: ▼2.00| -3.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

66.5%

+/- YoY: ▼ 133%

DT thuần

2024

822

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 204| 33.1%

LN sau thuế

2024

155

tỷ VNĐ

YoY: ▼528| -77.3%

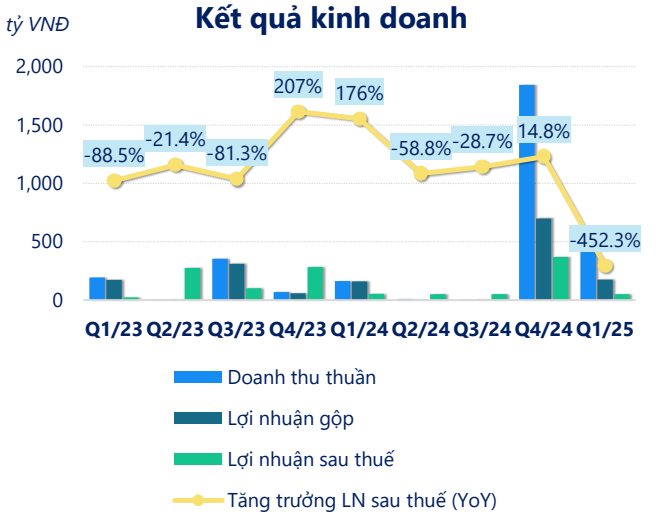
ROE

2024

1.5%

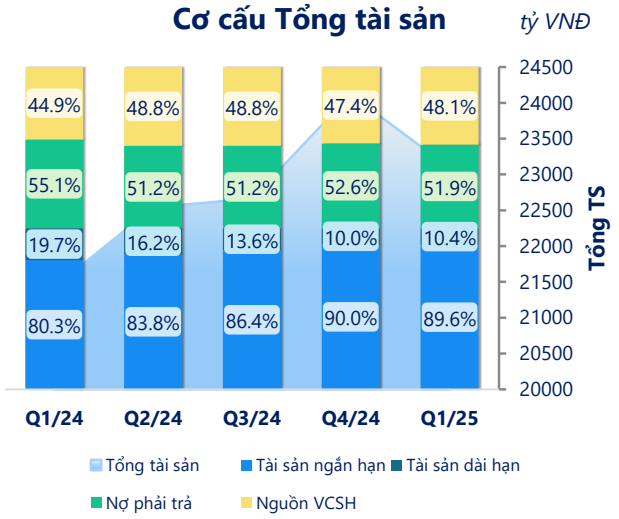
+/- YoY: ▼ 5.8%

Kết quả kinh doanh



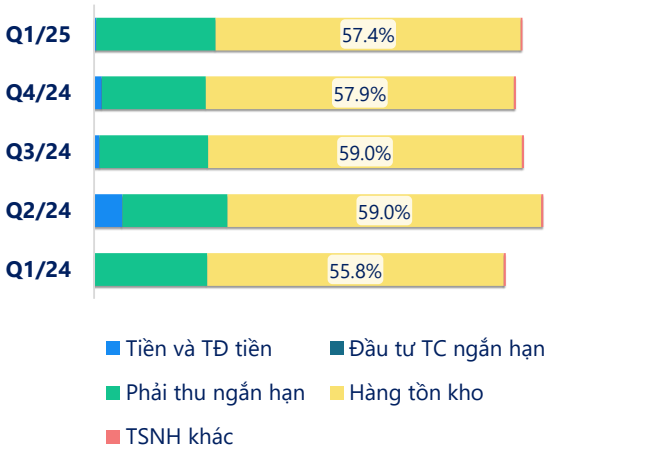
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



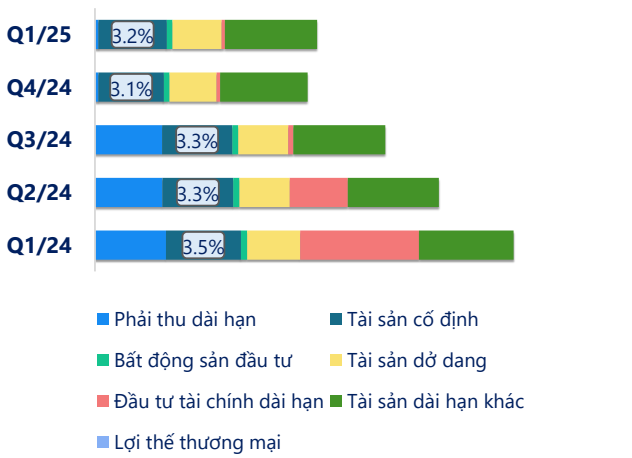
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



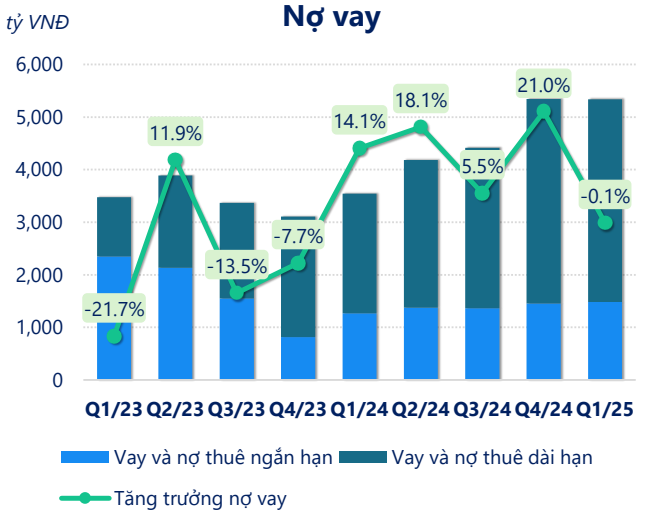
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



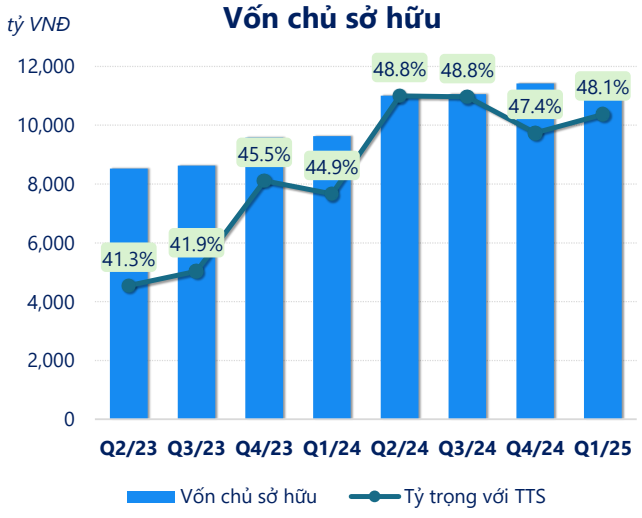
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



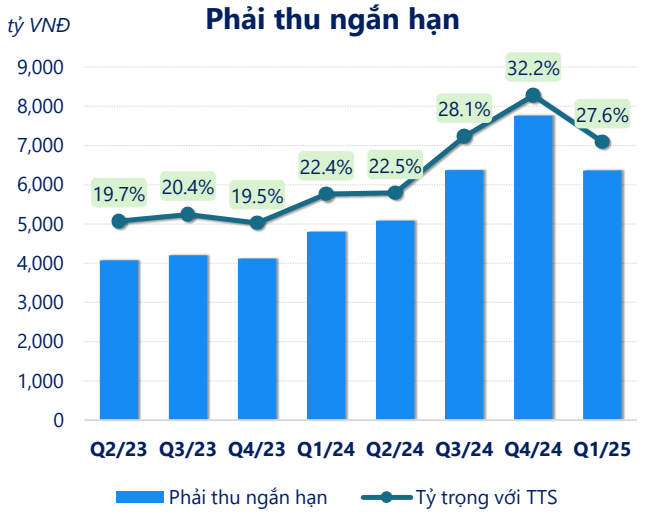
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



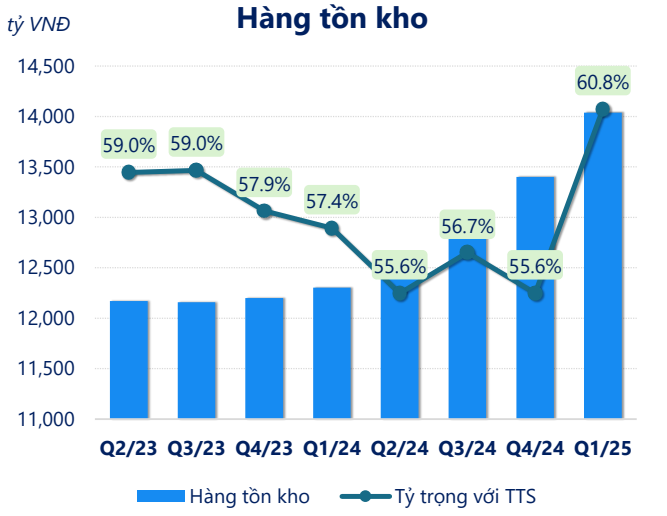
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



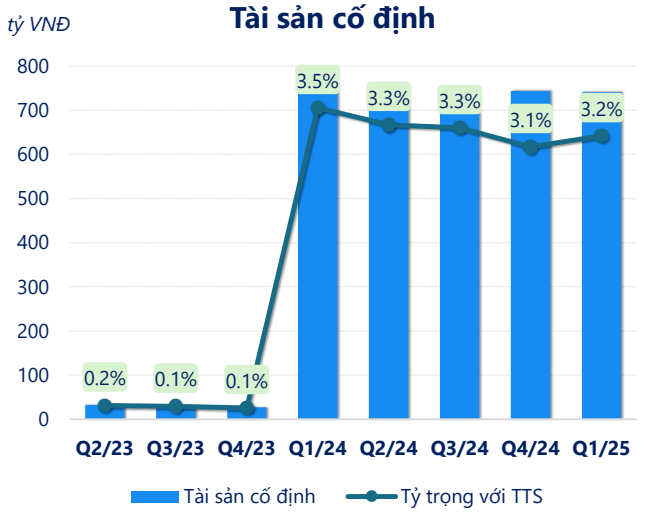
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



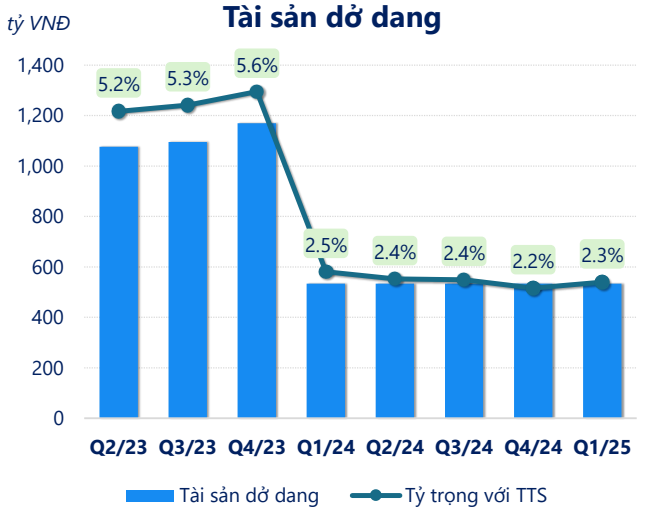
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



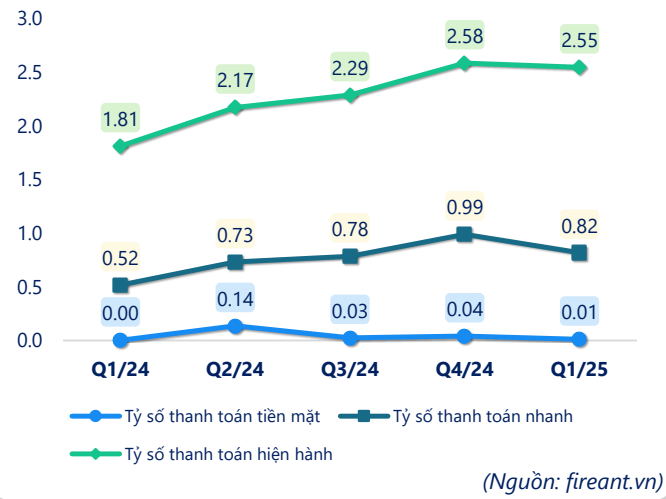
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



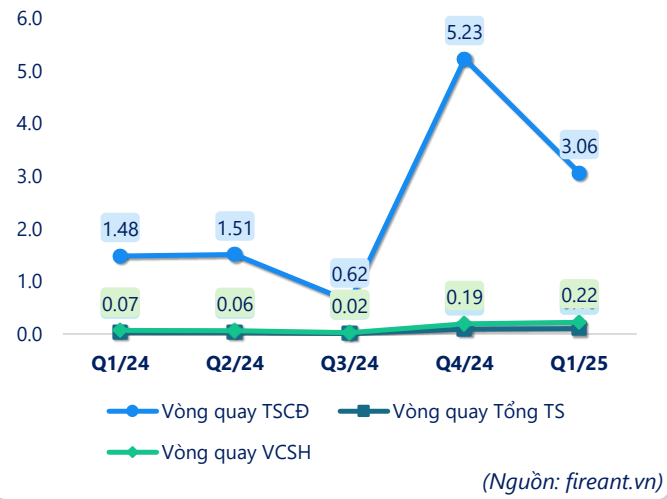
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**21,428**	**22,539**	**22,663**	**24,116**	**23,094**
Tài sản ngắn hạn	**17,210**	**18,894**	**19,571**	**21,706**	**20,683**
Tiền và tương đương tiền	19.3	1,190	221	344	84.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.4	15.4	15.4	115	100
Phải thu ngắn hạn	4,801	5,079	6,370	7,762	6,367
Hàng tồn kho	12,302	12,524	12,854	13,400	14,038
Tài sản ngắn hạn khác	72.6	85.1	111	84.6	94.9
Tài sản dài hạn	**4,218**	**3,645**	**3,093**	**2,410**	**2,411**
Phải thu dài hạn	714	714	714	38.7	38.7
Tài sản cố định	756	752	748	744	741
Bất động sản đầu tư	64.4	64.0	63.6	63.2	62.9
Tài sản dở dang	533	533	533	533	533
Đầu tư tài chính dài hạn	1,195	617	53.1	38.0	35.9
Tài sản dài hạn khác	955	964	980	993	999
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**11,797**	**11,533**	**11,606**	**12,693**	**11,986**
Nợ ngắn hạn	**9,499**	**8,701**	**8,558**	**8,400**	**8,126**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,265	1,373	1,366	1,455	1,481
Phải trả người bán ngắn hạn	210	208	182	198	182
Nợ dài hạn	2,298	2,831	3,049	4,293	3,860
Vay và nợ thuê dài hạn	2,277	2,810	3,049	3,889	3,856
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,631**	**11,006**	**11,057**	**11,424**	**11,108**
Vốn chủ sở hữu	**9,631**	**11,006**	**11,057**	**11,424**	**11,108**
Vốn điều lệ	7,388	8,731	8,731	8,731	8,731
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)